TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02/2024/QĐST-DS	*D, ngày 05 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2023/TLST- DS ngày 07 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T – sinh năm 1961

Địa chỉ: 03 A, phường C, quận B, thành phố Đà Nẵng.

Ông T uỷ quyền cho ông Trần Xuân H – sinh năm 1968.

Địa chỉ: E, X, huyện D, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Phụng Q - sinh năm 1971 và bà Võ Thị M – sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn E, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Trần Xuân H là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Ngọc T và vợ chồng ông Đỗ Phụng Q – bà Võ Thị M cùng thống nhất thỏa thuận:

**** Về thửa đất trồng lúa nước:*** Thửa đất số 84, tờ bản đồ số 29 diện tích 918,8m^{2}đất chuyên trồng lúa, tại thôn E, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có số sơri BM 121XXX, số vào sổ cấp GCN CH 002XXX, đã được UBND huyện D cấp ngày 10/01/2013 cho bà Nguyễn Thị N. Vợ chồng ông Đỗ Phụng Q và bà Võ Thị M đã thực hiện việc giao nhận xong thửa đất trên cho ông Trần Ngọc T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất hiện ông T đang giữ.

**** Về đất nhà ở:*** Thửa đất số 31, tờ bản đồ số 20 diện tích 329,4m^2 trên thửa đất có ngôi nhà cấp 4, diện tích 38,48m^2, địa chỉ tại thôn E, xã X, huyện D, tỉnh Phú Yên đã được UBND huyện D cấp Giấy CNQSD đất số sơ ri B0517YYY, số vào sổ GC: CH 005YYY, cấp ngày 29/5/2013 bà Nguyễn Thị N đứng tên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện vợ chồng ông Q đang giữ. Đại diện cho nguyên đơn ông Trần Xuân H và vợ chồng ông Đỗ Phụng Q và bà Võ Thị M thống nhất như sau:

+ Ông Trần Ngọc T được quyền sử dụng diện tích đất có vị trí giới cận như sau:

Hướng Đông giáp phần đất chia cho vợ chồng ông Đỗ Phụng Q và bà Võ Thị M có cạnh 22,33m;

Hướng Tây giáp mương thoát nước có cạnh 22,33m;

Hướng Nam giáp đường đi liên thôn có cạnh 6,98m;

Hướng Bắc giáp mương thoát nước có cạnh 7,5m;

Trên diện tích đất có tồn tại một chuồng bò do vợ chồng ông Q xây dựng có diện tích 18,4m^2, nền lát xi măng, mái lợp tôn, trụ xi măng; 01 cây xoài do vợ chồng ông Q trồng và 01 đống đá chẻ.

Ông H và vợ chồng ông Q thống nhất, chậm nhất là ngày 26/3/2024 vợ chồng ông Q sẽ có trách nhiệm tháo dỡ chuồng bò và di chuyển đống đá chẻ để giao lại mặt bằng đất cho ông T. Ông T sẽ có trách nhiệm giao lại cho vợ chồng ông Q 10.000.000đ (Mười triệu đồng chẵn) tiền vợ chồng ông Q bỏ ra chi phí lo mai táng, xây dựng mồ mả cho bà N và 500.000đ (năm trăm ngàn đồng chẵn) tiền giá trị cây xoài ông Q trồng để lại cho ông T sử dụng.

+ Vợ chồng ông Đỗ Phụng Q và bà Võ Thị M được quyền sử dụng diện tích đất ở có vị trí giới cận như sau*:*

Hướng Đông giáp đất bà Trần Thị G có cạnh 23m;

Hướng Tây giáp phần đất chia cho ông Trần Ngọc T có cạnh 22,33m

Hướng Nam giáp đường đi liên thôn có cạnh 7m;

Hướng Bắc giáp mương thoát nước có cạnh 7,61m;

Trên diện tích đất có tồn tại 01 ngôi nhà xây cấp 4 có diện tích 38,48m^2 mái lợp ngói, nền xi măng của bà Nguyễn Thị N để lại. Vợ chồng ông Q được nhận 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm ngàn đồng chẵn) tiền mai táng phí, xây mồ mã cho bà Minh và tiền giá trị 01 cây xoài do ông T giao lại. Thời gian giao tiền trong vòng một tháng, ngày giao tiền chậm nhất là ngày 26/3/2024.

(Về vị trí, giới cận diện tích đất hai bên thoả thuận phân chia đã được đo đạc lại vào ngày 26/02/2024, có kèm theo sơ đồ bản vẽ đo thực tế do cán bộ địa chính xây dựng xã X lập có sự chứng kiến và xác định của các bên đương sự. Các bên đương sự đã tiến hành trồng trụ để xác định ranh giới xong).

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên, tách thửa quyền sử dụng đất đối với các thửa đất trên.

- Về án phí DSST: Ông Trần Xuân T được miễn tiền án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi. Vợ chồng ông Đỗ Phụng Q và bà Võ Thị M được miễn tiền án phí do thuộc hộ cận nghèo.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chổ: Ông Trần Ngọc T tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chổ: 4.549.000đ *(Bốn triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn),* được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí thẩm định ông H đã nộp thay cho

ông T là 8.000.000đ *(Tám triệu đồng chẵn),* ông T được nhận lại 3.451.000đ *(Ba triệu bốn trăm năm mươi mốt ngàn đồng chẵn)*. Số tiền này ông H đã nhận lại đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện D;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Long